TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 95 /2017/HSST
Ngày: 28/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN Đ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tuấn Anh.
2. Ông Dương Xuân Đính.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Ông Hoàng Xuân Hiếu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Nhà Văn hóa thôn Đ, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Đ mở phiên tòa lưu động xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2017/HSST ngày 04/7/2017 đối với bị cáo:

Họ tên: ***Nguyễn Đăng T*** sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: khu B, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Đăng G; Con bà: Nguyễn Thị H (đã chết); Tiền án, tiền sự: Theo Danh bản, Chỉ bản số 095 lập ngày 23/01/2017 tại Công an huyện Đ thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2017, tạm giam từ ngày 26/01/2017 đến nay - Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Anh ***Nguyễn Văn S***, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội - Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo ***Nguyễn Đăng T*** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 18h25’ ngày 19/01/2017 tổ công tác Đội công an phụ trách xã về an ninh trật tự Công an huyện Đ làm nhiệm vụ tại Tổ 4 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội, tiến hành kiểm tra hành chính đối với Nguyễn Đăng T, Nguyễn Văn S sinh năm 1998, Hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn L, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội và Nguyễn Kim S sinh năm 1997, Hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn G, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội, kết quả như sau:

- Phát hiện thu giữ bên trong túi đeo chéo kẻ ca rô màu nâu của Nguyễn Đăng T đang đeo trước ngực có 06 túi nilon màu trắng, kích thước (3 x 5)cm bên trong mỗi túi đều chứa thảo mộc nghi là Cần sa. Ngoài ra còn tạm giữ của T số tiền 2.700.000 đồng; 01 ví da màu nâu và 01 điện thoại di động Samsung màu vàng, số thuê bao 1: 01663625021, số thuê bao 2: 01699574875.

- Phát hiện thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của Nguyễn Văn S có 02 túi nilon màu trắng, kích thước (3 x 5)cm bên trong mỗi túi đều chứa thảo mộc nghi là Cần sa và 01 điện thoại di động Viettel màu đỏ, số thuê bao: 01645453298.

- Không phát hiện thu giữ gì của Nguyễn Kim S.

- Khám phương tiện theo thủ tục hành chính đối với chiếc xe máy Honda Dream màu nâu, BKS: 29Z1 - 288.74 của Nguyễn Đăng T và chiếc xe máy Honda Wave màu trắng, BKS: 29S1 - 519.92 của Nguyễn Kim S không phát hiện thu giữ gì.

Tại bản kết luận giám định số 945/KLGĐ - PC54 ngày 14/02/2017 của Phòng PC54 – Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

- Thảo mộc trong 06 túi nilon thu giữ của Nguyễn Đăng T đều là Cần sa, có tổng trọng lượng là 17,121 gam.
- Thảo mộc trong 02 túi nilon thu giữ của Nguyễn Văn S đều là Cần sa, có tổng trọng lượng là 6,242 gam.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đăng T tại khu B, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội không phát hiện thu giữ gì liên quan đến vụ án.

Tại Cơ quan Điều tra Nguyễn Đăng T khai nhận: Khoảng 18h30’ ngày 18/01/2017, khi Nguyễn Đăng T đang làm việc tại công ty CMS VINA ở khu công nghiệp Q, huyện M, thành phố Hà Nội thì nhận được điện thoại từ số thuê bao 01645453298 của Nguyễn Văn S gọi đến số thuê bao 01663625021 của T đặt vấn đề mua 03 túi Cần sa với giá 200.000 đồng/01 túi. Do T chỉ còn 01 túi Cần sa, nên T bảo S muốn lấy đủ thì để đến chiều tối mai (tức chiều tối ngày 19/01/2017).

Khoảng 16h30’ ngày 19/01/2017, khi T đang làm việc tại công ty thì Nguyễn Văn S gọi điện thoại từ số thuê bao 01645453298 đến số thuê bao 01699574875 của T, hỏi T đã có Cần sa chưa để tối S đến khu vực nhà T lấy ma túy như đã hẹn ngày 18/01/2017. Nhưng đến khoảng 18h cùng ngày T lại gọi điện thoại cho S hẹn gặp tại khu vực Biến thế huyện Đ để giao nhận Cần sa. Sau đó T đi xe máy Honda Dream màu nâu, BKS: 29Z1 - 288.74 một mình từ công ty đến khu vực ngã tư Biến thế thuộc Tổ 4, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội, đến nơi T đỗ xe ở ven đường và gọi điện thoại báo cho S là T đã đến nơi. Khoảng 10 phút sau thì Nguyễn

Kim S đi xe máy Honda Wave màu trắng, BKS: 29S1 - 519.92 chở Nguyễn Văn S đến gặp T. Tại đây Nguyễn Văn S nói chỉ còn 400.000 đồng nên S chỉ mua 02 túi Cần sa. Khi T và Nguyễn Văn S đang giao dịch mua bán ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, bắt giữ.

Khi mới bị bắt giữ Nguyễn Đăng T khai nhận ngoài lần bán Cần sa cho Nguyễn Văn S ngày 19/01/2017 thì trước đó T còn bán Cần sa cho S 02 lần. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Cách ngày bị bắt khoảng 7 ngày (T không nhớ cụ thể ngày nào), T bán cho S 02 túi Cần sa với giá 400.000 đồng tại vị trí cách nhà T khoảng 100m thuộc khu B, xã Hải B, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 2 - 3 ngày (T cũng không nhớ cụ thể ngày nào), T bán cho S 01 túi Cần sa với giá 200.000 đồng tại vị trí cách nhà T khoảng 100m thuộc khu B, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Ngoài bán ma túy cho Nguyễn Văn S thì cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày (không nhớ ngày cụ thể) T còn bán 02 túi Cần Sa với giá 400.000 đồng cho một nam thanh niên không quen biết tại đường 6 km thuộc thôn Đ, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Nguyễn Văn S khai nhận ngoài lần mua Cần sa của T bị bắt giữ thì trước đó S còn mua Cần sa của T hai lần nữa nhưng S không nhớ ngày cụ thể phù hợp với lời khai ban đầu của Nguyễn Đăng T.

Sau đó Nguyễn Đăng T thay đổi lời khai, T khai chỉ bán Cần sa cho S ngày 19/01/2017 ngoài ra T chưa bán Cần sa cho S lần nào khác. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Đăng T Cơ quan Điều tra đã thu giữ bảng kê chi tiết các cuộc gọi đối với các số thuê bao 01663625021, 01699574875, 01645453298 của T và Nguyễn Văn S trong thời gian từ ngày 09/01/2017 đến hết ngày 19/01/2017 tại tập đoàn Viễn thông Viettel - Bộ Quốc phòng để xác định các số thuê bao trên có liên hệ với nhau không, để làm rõ việc T và S mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần nhưng không xác định được. Cơ quan Điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Đăng T và Nguyễn Văn S đối chất nhưng không làm rõ được việc T bán ma túy cho S nhiều lần.

Đối với người nam thanh niên đã mua Cần sa của T trước đó, T khai không rõ lai lịch, nhân thân của đối tượng này nên Cơ quan Điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Do vậy không đủ căn cứ xử lý T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần.

Nguồn gốc số Cần sa T bán cho Nguyễn Văn S và thu giữ trong túi đeo chéo của T, T khai nhận trước ngày bị bắt khoảng hơn 10 ngày (không nhớ ngày cụ thể) T đã mua của một người không quen biết (không biết là nam hay nữ, không biết tên tuổi địa chỉ) qua mạng xã hội facebook 01 túi Cần sa với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua được Cần sa T chia thành 15 túi nhỏ để sử dụng dần và bán cho khách khi có nhu cầu với giá 200.000 đồng/01 túi. Ngoài lời khai của T không còn tài liệu nào khác để chứng minh nên Cơ quan Điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Tại bản cáo trạng số 92/CT - VKS ngày 30/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và kết luận bị cáo T đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33, Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Xử phạt Nguyễn Đăng T từ 30 đến 36 tháng tù.

+ Tịch thu tiêu hủy 17,121 gam Cần sa đã được niêm phong trong một phong bì dán kín có chữ ký của Nguyễn Đăng T và giám định viên.

+ Tịch thu tiêu hủy 6,242 gam Cần sa đã được niêm phong trong một phong bì dán kín có chữ ký của Nguyễn Văn S và giám định viên.

+ Tịch Thu sung quỹ Nhà nước: 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Đăng T và Nguyễn Văn S.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 túi đeo chéo kẻ caro màu nâu thu giữ của Nguyễn Đăng T.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng T 2.300.000 đồng.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Đăng T là tiền do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

- Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không kêu oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho mình một phần hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra; phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng vụ án, sơ đồ hiện trường, thời gian địa điểm xảy ra vụ án; Phù hợp biên bản thu giữ vật chứng vụ án, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 25 phút ngày 19/01/2017 tại khu vực thuộc tổ 4 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội Nguyễn Đăng T đã thực hiện hành vi bán trái phép 6,242 gam Cần sa cho Nguyễn Văn S với giá 400.000 đồng. Ngoài ra T còn có hành vi tàng trữ trái phép 17,121 gam Cần sa nhằm mục đích để bán kiếm lời.

Theo quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì lá, hoa, quả của cây Cần sa là một loại ma túy.

Ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu nào khác chứng minh việc T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội "Mua bán phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự, như kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại quyền độc quyền quản lý Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội; Ma túy là chất gây nghiện, hướng thần có tác hại rất lớn đối với con người và đời sống cộng đồng, làm lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV - AIDS, làm suy thoái nền tảng đạo đức xã hội và là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm khác. Bị cáo là người đã trưởng thành nên biết rõ tác hại của các chất ma túy đối với con người cũng như đời sống cộng đồng; Bị cáo nhận thức được hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm và áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc để xử phạt các tội phạm về ma túy, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm thu lời bất chính.

Bởi vậy đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung.

Nhân thân của bị cáo: Nguyễn Đăng T phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Cụ Nguyễn Đăng L là ông nội của Nguyễn Đăng T là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng 01 Huy chương kháng chiến hạng Nhất và 01 Huy chương kháng chiến hạng Nhì; Cụ ngoại của Nguyễn Đăng T là cụ Bùi Thị C được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bà ngoại của Nguyễn Đăng T là cụ Đinh Thị M được Nhà nước phong tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Nguyễn Văn S có hành vi tàng trữ 6,242 gam Cần sa không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, ngày 12/3/2017, Công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành

chính đối với Nguyễn Văn S với mức phạt 1.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Nguyễn Kim S đi cùng Nguyễn Văn S nhưng không biết Nguyễn Văn S và Nguyễn Đăng T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn S, nên Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

***Xử lý vật chứng**:*

- Chiếc xe máy Honda Wave màu trắng, BKS: 29S1 - 519.92, số khung: 760535, số máy: 5760739 tạm giữ của Nguyễn Kim S, tra cứu tại Đội Cảnh sát giao thông - Công an huyện Đ xác định chiếc xe máy trên được đăng ký chính chủ mang tên Nguyễn Kim S, và không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Tại Cơ quan Điều tra Nguyễn Kim S trình bày: Khoảng 16h30' ngày 19/01/2017 khi Kim S đang một mình đi xe máy Honda Wave, BKS: 29S1 - 519.92 qua khu vực ngã tư xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội thì gặp Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S có rủ Nguyễn Kim S lên ngã tư thị trấn Đ xem chợ hoa, Kim S đồng ý. Sau đó Kim S điều khiển xe máy chở Nguyễn Văn S lên ngã tư thị trấn Đ thì bị lực lượng Công an bắt giữ. Khi bị tạm giữ Nguyễn Kim S mới biết Nguyễn Văn S nhờ chở đi mua ma túy. Chiếc xe máy trên có nguồn gốc rõ ràng, là tài sản hợp pháp của Nguyễn Kim S không liên quan đến vụ án. Ngày 24/01/2017 Cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Kim S là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chiếc xe máy Honda Dream màu nâu, BKS: 29Z1 - 288.74 tạm giữ của Nguyễn Đăng T, T khai là xe máy của ông Nguyễn Đăng G - bố đẻ Tuấn mua cho T để đi làm. Xác minh chủ sở hữu tại đội Cảnh sát giao thông – Công an huyện Đ xác định chiếc xe đăng ký chính chủ mang tên anh Bùi Văn D sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú tại: thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội. Chiếc xe máy trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Anh Bùi Văn D trình bày: Khoảng giữa năm 2004 anh mua chiếc xe máy trên tại cửa hàng xe máy ở huyện P, tỉnh V, chiếc xe máy này được đăng ký mang tên anh và được cấp BKS: 88H2 - 8125. Cuối năm 2014 anh D tiến hành đổi BKS từ biển 4 số sang biển 5 số theo quy định của pháp luật và được cấp BKS mới là: 29Z1 - 288.74. Anh D sử dụng chiếc xe máy trên đến khoảng cuối năm 2015 anh đã bán cho ông Nguyễn Đăng G - là bố đẻ bị của Nguyễn Đăng T, với giá 13.500.000 đồng. Ông G, trình bày phù hợp với lời khai của anh D. Khi mua bán giữa hai bên không có viết giấy tờ mua bán. Ngày 19/01/2017 T sử dụng xe máy để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy ông G không hề hay biết và T cũng không nói cho ông G biết. Ngày 01/03/2017 ông G có đơn đề nghị xin lại chiếc xe máy trên để đi lại. Xét thấy chiếc xe máy trên có nguồn gốc rõ ràng, không phải vật chứng của vụ án. Ngày 05/04/2017 Cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy trên cho ông Nguyễn Đăng G là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 ví da màu đen, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của T không liên quan đến vụ án. Ngày 05/04/2017 Cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho gia đình bị cáo T quản lý là có căn cứ, phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 17,121 gam Cần sa đã được niêm phong trong một phong bì dán kín có chữ ký của Nguyễn Đăng T và giám định viên và 6,242 gam Cần sa đã được niêm phong trong một phong bì dán kín có chữ ký của Nguyễn Văn S và giám định viên, cho tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 túi đeo chéo kẻ caro màu nâu thu giữ của Nguyễn Đăng T là phương tiện phạm tội (T dùng để cất dấu Cần sa), cho tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động Samsung màu vàng số thuê bao 1: 01663625021, số thuê bao 2: 01699574875 tạm giữ của Nguyễn Đăng T và 01 điện thoại Viettel màu đỏ số thuê bao: 01645453298 tạm giữ của Nguyễn Văn S, T và Nguyễn Văn S đã sử dụng để giao dịch mua bán ma túy - là công cụ, phương tiện phạm tội do vậy cho tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Số tiền 400.000 đồng (trong tổng số tiền 2.700.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Đăng T) là tiền do bán ma túy mà có, do vậy cho tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Số tiền 2.300.000 đồng (trong tổng số tiền 2.700.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Đăng T) là tài sản riêng của Nguyễn Đăng T, tuy không liên quan đến việc phạm tội nhưng cho tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

***Án phí*:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 231 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo ***Nguyễn Đăng T*** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Áp dụng:

Khoản 1 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 41 Bộ luật Hình sự.

Điều 76, Điều 99, Điều 231, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- Xử phạt ***Nguyễn Đăng T*** 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2017.

- Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niên phong, bên trong có 17,121 gam Cần sa; 01 phong bì niên phong, bên trong có 6,242 gam Cần sa và 01 túi đeo chéo kẻ caro màu nâu, theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 19/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, thành phố Hà Nội.

+ Tịch Thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung màu vàng số thuê bao 1: 01663625021, số thuê bao 2: 01699574875, và 01 điện thoại Viettel màu đỏ số thuê bao: 01645453298, theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 19/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, thành phố Hà Nội.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.700.000 theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản chuyển tiền điện tử số 113 lập ngày 21/7/2017.

- Án phí:

Bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm về hình sự; tuyên có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phi Hùng

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Đ
- Công an huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ
- Bị cáo
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ

Các Hội Thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Phi Hùng